

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19-5-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tuyền
2. Bà Nguyễn Thị Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn T Nga - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST – DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu H, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.(Có mặt)

Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu H, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 10/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án,

nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/8/2005 tại UBND xã P (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, chị H hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên chửi bới xúc phạm nhau. Từ tháng 4 năm 2021 đến nay chị H thuê nhà ra ở riêng một mình, vợ chồng ly hôn từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh kiên quyết xin được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 11/11/2007 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 26/12/2013. Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh và bà nội. Nguyên vọng của các con anh đều xin được ở cùng anh. Anh làm xây dựng và buôn bán thêm âm T nên có thu nhập ổn định hàng tháng là 13.000.000đ đến 15.000.000đ, ngoài anh ra các cháu còn được bà nội chăm sóc, có chỗ ở ổn định nên đều được ăn học đầy đủ. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh T không yêu cầu giải quyết.

2, Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng đúng như anh T trình bày. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc đến tháng 4 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị thấy chồng tôi có gọi điện qua lại với người phụ nữ khác, do chị nghi ngờ chồng tôi có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đánh nhau. Hai vợ chồng cũng đã hòa giải khuyên bảo nhau nhiều lần nhưng không được. Tháng 4/2021 chị đã thuê nhà ra ở riêng một mình, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay anh T xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn vì chị muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 11/11/2007 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 26/12/2013. Từ khi chị thuê nhà ra ở riêng đến nay thì hai cháu ở cùng anh T và bà nội. Nguyên vọng của các con đều xin được ở cùng anh T, các cháu được ăn học đầy đủ, có chỗ ở ổn định. Nhưng chị là mẹ nên khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và nhất trí giao cháu Anh cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng

nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết.

3, Quá trình giải quyết vụ án nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Lan Anh và Nguyễn Huy H đều đề nghị nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu xin được ở với bố và kiên quyết không ở với mẹ.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã M ngày 28/02/2022 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/8/2005 tại UBND xã P (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai anh chị mâu thuẫn về ý ăn ý ở trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn trầm trọng chị H đã thuê nhà ra ở riêng, từ đó vợ chồng anh chị không ai còn quan tâm đến ai. Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 11/11/2007 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 26/12/2013. Hiện nay 02 con chung đang ở cùng anh T và mẹ đẻ anh T, do anh T chăm sóc nuôi dưỡng, ngoài ra còn được sự hỗ trợ chăm sóc của mẹ anh T nên hai cháu được ăn học đầy đủ và có nhà ở ổn định. Anh T làm nghề xây dựng và buôn bán điện tử, có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Chị H ở nhà thuê, không có nghề nghiệp ổn định. Khi anh T có đơn xin ly hôn địa phương đã hòa giải để anh chị mỗi người nuôi một con chung nhưng các cháu kiên quyết không ở với chị H. Anh T cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn chị H vì mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không còn và đề nghị Tòa án giải quyết nguyện vọng của con chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX khoản 1 điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Phạm Thị H.

Về con chung: Giao hai con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 11/11/2007 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 26/12/2013 cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không phải cấp

đưỡng tiền nuôi con chung vì anh T tự nguyện không yêu cầu. Chị H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh T chị H không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tổ tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu H, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn chị Phạm Thị H: Tòa án đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh T và chị H là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã P (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 25/8/2005 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt. Anh T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, chị H hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên chửi bới xúc phạm nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh kiên quyết xin được ly hôn chị H. Phía chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị thấy chồng chị có gọi điện qua lại với người phụ nữ khác, do chị nghi ngờ chồng tôi có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đánh nhau. Hai vợ chồng cũng đã hòa giải khuyên bảo nhau nhiều lần nhưng không được. Nay anh T xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn vì chị muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con. Anh T chị H đều xác nhận từ tháng 4/2021 chị H đã thuê nhà ra ở riêng một mình, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm

đến ai. Ngày 28/02/2022 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh tại UBND xã M về quan hệ hôn nhân của anh T, chị H được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, chị H đã thuê nhà ra ở riêng, từ đó vợ chồng anh chị không ai còn quan tâm đến ai. Khi anh T có đơn xin ly hôn địa phương đã hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh T cương quyết ly hôn. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn chị H vì mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không còn. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa anh T và chị H đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh T chị H có 02 con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 11/11/2007 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 26/12/2013. Khi ly hôn anh T đề nghị được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung. Phía chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và nhất trí giao cháu A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của anh chị là chính đáng nhưng việc giao con cho ai phải căn cứ vào tình cảm, điều kiện để nuôi dạy con cái trưởng thành và căn cứ vào nguyện vọng của các con chung. Từ tháng 4/2021 đến nay chị H thuê nhà ra ở riêng thì hai con chung ở cùng anh T, do anh T chăm sóc nuôi dưỡng, ngoài ra còn được sự hỗ trợ chăm sóc của mẹ đẻ anh T nên hai cháu được ăn học đầy đủ và có nhà ở ổn định. Anh T làm nghề xây dựng và buôn bán điện tử, có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Chị H ở nhà thuê, không có nghề nghiệp ổn định. Nguyện vọng của cháu A và cháu H đều đề nghị nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu đều xin được ở với anh T và kiên quyết không ở với chị H. Vì vậy, để ổn định chỗ ở, ở thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của con chung cần giao cháu Anh, cháu H cho anh T được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T tự nguyện không yêu cầu là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh T chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố

tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Phạm Thị H.

[2]. Về con chung: Giao hai con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 11/11/2007 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 26/12/2013 cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh T tự nguyện không yêu cầu. Chị H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh T chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0007619 ngày 08/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

[5]. Về quyền kháng cáo: Anh T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn chị H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã M;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền